



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 41
8. Phụ lục	42 - 43



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Đặng Ngọc Sơn – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMC.2023 ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ngày 21 tháng 3 năm 2023

Số: 4.0133/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ
Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3089-2020-008-1
Người được ủy quyền



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3592-2021-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 21 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.643.054.112.453	1.342.771.374.394
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.183.608.325	23.330.850.947
1. Tiền	111	V.1	5.183.608.325	23.330.850.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		738.487.401.695	460.952.659.619
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	624.364.886.494	425.650.142.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	110.377.861.990	31.715.142.096
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.662.349.711	4.469.671.072
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(917.696.500)	(882.296.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		880.294.246.884	851.128.429.187
1. Hàng tồn kho	141	V.7	921.509.921.472	890.485.276.570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(41.215.674.588)	(39.356.847.383)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.088.855.549	7.359.434.641
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	630.846.259	786.038.628
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.673.669.859	3.574.714.548
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.784.339.431	2.998.681.465
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		564.450.384.530	587.737.514.620
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.440.809.124	7.618.672.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.440.809.124	7.618.672.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		351.201.868.979	403.246.934.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	292.676.543.947	289.327.010.605
- Nguyên giá	222		530.866.344.207	486.556.836.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.189.800.260)	(197.229.826.211)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	13.402.469.102	22.338.803.006
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	45.424.320.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(32.021.851.156)	(23.085.517.252)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	45.122.855.930	91.581.120.958
- Nguyên giá	228		64.688.899.986	112.989.412.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.566.044.056)	(21.408.292.028)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		88.330.178.580	71.238.903.742
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	88.330.178.580	71.238.903.742
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		95.000.000.000	95.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	50.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.477.527.847	10.633.004.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	21.477.527.847	10.633.004.309
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.207.504.496.983	1.930.508.889.014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.255.945.212.743	1.074.245.793.837
I. Nợ ngắn hạn	310		1.232.039.346.786	949.168.138.019
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	131.949.322.760	204.736.725.952
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	120.315.903.729	153.901.872.999
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13.988.636.104	10.046.857.960
4. Phải trả người lao động	314	V.16	13.521.070.097	7.247.968.896
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.812.885.025	4.479.548.719
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	37.106.606.801	15.748.827.535
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	909.464.922.270	552.126.335.958
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	880.000.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.905.865.957	125.077.655.818
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	23.905.865.957	125.077.655.818
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		951.559.284.240	856.263.095.177
I. Vốn chủ sở hữu	410		951.559.284.240	856.263.095.177
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	6.800.000.000	6.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	314.759.284.240	219.463.095.177
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		206.660.672.931	219.463.095.177
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		108.098.611.309	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.207.504.496.983	1.930.508.889.014

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.355.973.438.355	1.960.234.120.665
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.336.746.957	3.119.933.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.333.636.691.398	1.957.114.186.915
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.009.332.601.225	1.716.607.329.804
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		324.304.090.173	240.506.857.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	56.063.501.856	12.632.335.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	103.680.196.472	51.508.932.795
Trong đó: chi phí lãi vay	23		45.747.465.803	40.513.960.547
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	111.426.328.326	86.131.853.767
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	43.383.824.508	43.846.335.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		121.877.242.723	71.652.071.207
11. Thu nhập khác	31	VI.8	5.789.147.717	11.838.745.420
12. Chi phí khác	32	VI.9	5.489.557.365	10.285.354.013
13. Lợi nhuận khác	40		299.590.352	1.553.391.407
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		122.176.833.075	73.205.462.614
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	14.078.221.766	10.136.121.477
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>108.098.611.309</u>	<u>63.069.341.137</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-


Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởngĐặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		122.176.833.075	73.205.462.614
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	53.803.656.195	52.586.452.471
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7	1.894.227.205	3.851.438.604
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(13.138.238.079)	2.052.003.200
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, VI.9	(5.602.350.012)	(1.097.528.803)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	45.747.465.803	40.513.960.547
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		204.881.594.187	171.111.788.633
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(286.000.036.396)	(76.512.128.425)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.024.644.902)	(251.746.955.718)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(91.820.038.980)	131.294.972.641
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.593.877.018	5.398.666.170
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(45.414.129.497)	(40.255.062.879)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(10.136.121.477)	(7.221.615.582)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(255.919.500.047)	(68.030.335.160)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12	(63.194.682.229)	(29.137.833.928)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.182	32.907.938.087
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(58.045.280.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	142.209.772.616
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	21.657.534	416.280.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.991.206.513)	38.350.876.979

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		49.300.513.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(14.283.208.187)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a,b	3.260.802.908.402	2.950.520.348.913
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(2.971.698.382.440)	(2.895.604.008.147)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19a,b	(17.902.078.102)	(7.346.982.729)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		306.219.752.673	47.569.358.037
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(17.690.953.887)	17.889.899.856
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.330.850.947	5.420.807.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(456.288.735)	20.143.585
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.183.608.325	23.330.850.947



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.205 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.015 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê (05 năm).

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian bảo lãnh (06 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, xóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	146.129.215	1.937.219.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.037.479.110	21.393.631.137
Cộng	5.183.608.325	23.330.850.947

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Camimex Organic ⁽ⁱ⁾	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱⁱ⁾	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-
Cộng	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 3 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40.000.000.000 VND, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Công ty đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Camimex Organic là công ty con trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	247.386.574.875	229.921.363.907
Phí hỗ trợ mua hàng hóa	3.687.994.350	7.384.671.561
Chi phí gia công	4.810.441.930	340.576.250
Phí dịch vụ của dự án Tôm sinh thái	27.447.406.500	36.670.700.100
Vay tiền không lãi suất	-	74.260.000.000
Trả tiền vay	-	(101.480.818.164)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<u>92.777.670.000</u>	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	92.777.670.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>531.587.216.494</u>	<u>425.650.142.951</u>
Công ty TNHH Thương mại Thảo Vy Cà Mau	-	49.221.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	-	143.488.800.000
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	218.882.732.466	104.200.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng	249.925.892.240	-
Các khách hàng khác	62.778.591.788	128.740.342.951
Cộng	<u><u>624.364.886.494</u></u>	<u><u>425.650.142.951</u></u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<u>107.877.861.990</u>	<u>29.215.142.096</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	26.230.000.000	4.366.232.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	60.953.799.716	14.921.277.959
Các nhà cung cấp khác	20.694.062.274	9.927.632.137
Cộng	<u><u>110.377.861.990</u></u>	<u><u>31.715.142.096</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>1.783.161.769</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu khác	1.783.161.769	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.879.187.942</i>	-	<i>4.469.671.072</i>	-
Tạm ứng	1.861.485.694	-	3.340.320.692	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	637.397.260	-	194.219.178	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	910.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	380.304.988	-	25.131.202	-
Cộng	4.662.349.711	-	4.469.671.072	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức khác</i>						
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	739.361.500	-	Trên 03 năm	739.361.500	-
Phải thu các tổ chức khác	Trên 03 năm	178.335.000	-	Từ 02 năm đến trên 03 năm	178.335.000	35.400.000
Cộng		917.696.500	-		917.696.500	35.400.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	882.296.500	-
Trích lập dự phòng bổ sung	35.400.000	882.296.500
Số cuối năm	917.696.500	882.296.500

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.070.047.206	-	10.546.456.052	-
Công cụ, dụng cụ	1.337.443.139	-	1.683.291.539	-
Thành phẩm	912.102.431.127	(41.215.674.588)	878.255.528.979	(39.356.847.383)
Cộng	921.509.921.472	(41.215.674.588)	890.485.276.570	(39.356.847.383)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 402.000.000.000 VND (số đầu năm là 276.600.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	39.356.847.383	36.387.705.279
Trích lập dự phòng bổ sung	1.858.827.205	2.969.142.104
Số cuối năm	41.215.674.588	39.356.847.383

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	251.927.286	767.786.660
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	378.918.973	18.251.968
Cộng	630.846.259	786.038.628

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.492.629.237	3.845.958.409
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.155.434.468	2.929.028.105
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	47.814.508	117.814.504
Phí bảo lãnh vay vốn	277.543.061	398.426.393
Chi phí thuê đất (*)	14.002.042.672	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.502.063.901	3.341.776.898
Cộng	21.477.527.847	10.633.004.309

Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.002.042.672 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.19a).

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 190.867.813.130 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	45.424.320.258
Số cuối năm	<u>45.424.320.258</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	23.085.517.252
Khấu hao trong năm	8.936.333.904
Số cuối năm	<u>32.021.851.156</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	22.338.803.006
Số cuối năm	<u>13.402.469.102</u>

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	49.300.513.000	62.907.674.178	781.225.808	112.989.412.986
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Giảm khác (*)	(49.300.513.000)	-	-	(49.300.513.000)
Số cuối năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>62.907.674.178</u>	<u>781.225.808</u>	<u>64.688.899.986</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	331.225.808	331.225.808
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.137.631.680	15.726.934.540	543.725.808	21.408.292.028
Khấu hao trong năm	-	3.145.383.708	150.000.000	3.295.383.708
Giảm khác (*)	(5.137.631.680)	-	-	(5.137.631.680)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>18.872.318.248</u>	<u>693.725.808</u>	<u>19.566.044.056</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	44.162.881.320	47.180.739.638	237.500.000	91.581.120.958
Số cuối năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>44.035.355.930</u>	<u>87.500.000</u>	<u>45.122.855.930</u>

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi tài sản góp vốn theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ.CMC.2022 ngày 07/01/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	29.516.760.000	-	-	29.516.760.000
Xây dựng cơ bản dở dang	71.238.903.742	11.829.741.378	(24.077.299.267)	(177.927.273)	58.813.418.580
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group	7.492.033.611	-	-	-	7.492.033.611
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group	22.494.312.000	-	-	-	22.494.312.000
- Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cá Chèm	16.314.752.727	-	-	-	16.314.752.727
- Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	7.500.000.000	3.101.944.334	(9.441.594.715)	(177.927.273)	982.422.346
- Các công trình khác	17.437.805.404	8.727.797.044	(14.635.704.552)	-	11.529.897.896
Cộng	71.238.903.742	41.346.501.378	(24.077.299.267)	(177.927.273)	88.330.178.580

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	89.603.265.432	74.830.015.777
Công ty Cổ phần Camimex Group	15.510.005.085	-
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	9.687.346.545	15.695.041.369
Công ty Cổ phần Camimex Foods	8.752.724.010	5.147.132.051
Công ty TNHH Camimex Organic	47.817.153.362	38.119.433.613
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	464.834.108	1.184.859.192
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải	7.371.202.322	14.683.549.552
Phải trả các nhà cung cấp khác	42.346.057.328	129.906.710.175
Hai Yang International Inc	10.621.871.440	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	4.353.901.470	59.637.551.824
Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	-	32.203.840.392
Các nhà cung cấp khác	27.370.284.418	38.065.317.959
Cộng	131.949.322.760	204.736.725.952

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>117.626.779.871</i>	<i>151.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group	117.626.779.871	151.000.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>2.689.123.858</i>	<i>2.901.872.999</i>
Bà Phạm Thị Lanh	1.350.000.000	950.000.000
Terracorp Ghana Limited	-	702.823.697
Các khách hàng khác	1.339.123.858	1.249.049.302
Cộng	<u>120.315.903.729</u>	<u>153.901.872.999</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế xuất, nhập khẩu		- 2.784.339.431	-	-	- 2.784.339.431	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.031.008.760	-	14.078.221.766	(10.136.121.477)	13.973.109.049	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	214.342.034	991.372.929	(768.057.040)	8.973.855	-
Thuế tài nguyên	15.849.200	-	128.527.200	(137.823.200)	6.553.200	-
Các loại thuế khác	-	-	68.965.699	(68.965.699)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	<u>10.046.857.960</u>	<u>2.998.681.465</u>	<u>15.276.087.594</u>	<u>(11.119.967.416)</u>	<u>13.988.636.104</u>	<u>2.784.339.431</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	122.176.833.075	73.205.462.614
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	13.309.176.690	17.910.005.680
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(538.589.075)</u>	<u>(2.050.560)</u>
Thu nhập chịu thuế	134.947.420.690	91.113.417.734
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	134.947.420.690	91.113.417.734
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	26.989.484.138	18.222.683.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	<u>(12.911.262.372)</u>	<u>(8.086.562.070)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>14.078.221.766</u>	<u>10.136.121.477</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 đ/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 đ/m³ đối với nước trên mặt.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	10.305.340.269	-
Công ty Cổ phần Camimex Group - Cổ tức phải trả	9.818.238.584	-
Các cá nhân có liên quan - Cổ tức phải trả	487.101.685	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	26.801.266.532	15.748.827.535
Kinh phí công đoàn	5.696.087.669	2.919.540.194
Bảo hiểm xã hội	2.294.894.536	851.926.695
Nhận ký quỹ ngắn hạn	480.000.000	480.000.000
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	-
Coop Basel - Tiền mượn	8.054.226.827	7.779.303.787
Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng	6.698.967.994	2.903.758.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.080.007.529	814.298.859
Cộng	37.106.606.801	15.748.827.535

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	8.720.000.000	16.490.081.030
Các cá nhân có liên quan ^(ix)	8.720.000.000	8.720.000.000
Vay Công ty Cổ phần Camimex Group	-	7.770.081.030
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	900.744.922.270	535.636.254.928
Vay ngắn hạn ngân hàng	678.080.107.357	478.918.285.080
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	68.653.332.473	78.762.175.100
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	25.194.608.495	31.363.117.926
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	145.022.989.776	154.602.231.603
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv)	89.678.174.897	133.707.882.570
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(v)	36.777.037.830	43.281.860.321
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(vi)	110.111.322.386	37.201.017.560
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)	197.672.641.500	-
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	4.970.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác ^(ix)	25.265.358.301	10.400.000.000
- Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	10.400.000.000	10.400.000.000
- Vay Vih Capital Pte.,ltd	14.865.358.301	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(ix)	77.500.000.000	30.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	3.540.859.000	5.384.168.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	16.722.207.944	10.283.801.848
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	99.636.389.668	-
Cộng	<u>909.464.922.270</u>	<u>552.126.335.958</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh V.7 và số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1a).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và chi phí thuê đất (xem thuyết minh số V.7 và V.8b).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1b).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, quyền đòi nợ, lô hàng hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a).
- (ix) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.918.285.080	2.906.944.980.501	-	(2.693.172.993.410)	(14.610.164.814)	678.080.107.357
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	18.170.081.030	127.376.984.896	-	(119.856.221.030)	(425.486.595)	25.265.358.301
Vay ngắn hạn các cá nhân	39.370.000.000	200.135.000.000	-	(153.285.000.000)	-	86.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.384.168.000	-	3.540.859.000	(5.384.168.000)	-	3.540.859.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.283.801.848	-	15.932.674.956	(9.494.268.860)	-	16.722.207.944
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	-	99.636.389.668	-	-	99.636.389.668
Cộng	552.126.335.958	3.234.456.965.397	119.109.923.624	(2.981.192.651.300)	(15.035.651.409)	909.464.922.270

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	406.261.000	1.227.120.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	406.261.000	1.227.120.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	4.110.000.000	6.830.000.000
Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	4.110.000.000	6.830.000.000
Nợ thuê tài chính	19.389.604.957	19.280.114.311
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm	2.833.159.330	12.175.114.311
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm	16.556.445.627	7.105.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	-	97.740.421.507
Cộng	23.905.865.957	125.077.655.818

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m³/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, cầm cố hợp đồng tiền gửi và toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (xem thuyết minh số V.2a và V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	1.227.120.000	820.859.000	406.261.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	2.720.000.000	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	36.111.812.901	16.722.207.944	19.389.604.957
Trái phiếu thường	99.636.389.668	99.636.389.668	-
Cộng	143.805.322.569	119.899.456.612	23.905.865.957
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	3.911.288.000	2.684.168.000	1.227.120.000
Vay dài hạn tổ chức khác	9.530.000.000	2.700.000.000	6.830.000.000
Nợ thuê tài chính	29.563.916.159	10.283.801.848	19.280.114.311
Trái phiếu thường	97.740.421.507	-	97.740.421.507
Cộng	140.745.625.666	15.667.969.848	125.077.655.818

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	16.722.207.944	19.389.604.957	36.111.812.901
Lãi thuê phải trả	2.676.349.966	1.507.056.266	4.183.406.232
Nợ thuê tài chính phải trả	19.398.557.910	20.896.661.223	40.295.219.133
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	10.283.801.848	19.280.114.311	29.563.916.159
Lãi thuê phải trả	2.244.071.868	754.878.170	2.998.950.038
Nợ thuê tài chính phải trả	12.527.873.716	20.034.992.481	32.562.866.197

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.227.120.000	-	-	(820.859.000)	406.261.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	-	-	(2.720.000.000)	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	19.280.114.311	24.449.974.844	(8.407.809.242)	(15.932.674.956)	19.389.604.957
Trái phiếu thường	97.740.421.507	1.895.968.161	-	(99.636.389.668)	-
Cộng	125.077.655.818	26.345.943.005	(8.407.809.242)	(119.109.923.624)	23.905.865.957

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	880.000.000	980.000.000
Chi quỹ	-	(100.000.000)
Số cuối năm	880.000.000	880.000.000

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Camimex Group	483.150.000.000	483.150.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn	9.860.000.000	9.860.000.000
Các cổ đông khác	136.990.000.000	136.990.000.000
Cộng	630.000.000.000	630.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.000.000	63.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2021 cho các cổ đông với số tiền 12.802.422.246 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 2804/ĐHCĐ.2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 167.263,13 USD (số đầu năm là 7.615,99 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	323.051.836
Doanh thu bán thành phẩm	2.355.390.686.956	1.937.452.112.523
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	582.751.399	22.458.956.306
Cộng	<u>2.355.973.438.355</u>	<u>1.960.234.120.665</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Doanh thu bán thành phẩm	7.877.806.000	65.388.822.950
Doanh thu gia công	349.337.151	22.332.265.178
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Doanh thu hàng hóa	-	287.007.900
Doanh thu bán thành phẩm	1.570.540.000	5.288.667.600
Doanh thu gia công	-	1.695.600
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải		
Doanh thu bán thành phẩm	-	117.706.782.283
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Doanh thu bán thành phẩm	92.777.670.000	50.156.832.079
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú		
Doanh thu bán thành phẩm	-	57.610.989.068

2. Khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	22.239.686.987	3.053.895.350
Giảm giá hàng bán	97.059.970	66.038.400
Cộng	<u>22.336.746.957</u>	<u>3.119.933.750</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	282.412.165
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.006.976.098.245	1.693.722.138.524
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	497.675.775	19.633.637.011
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.858.827.205	2.969.142.104
Cộng	<u>2.009.332.601.225</u>	<u>1.716.607.329.804</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền không kỳ hạn	8.520.609	12.220.558
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	464.835.616	585.132.108
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	42.451.907.552	12.034.983.276
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.138.238.079	-
Cộng	<u>56.063.501.856</u>	<u>12.632.335.942</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	45.747.465.803	40.513.960.547
<i>Chi phí lãi vay Ngân hàng và lãi vay thuê tài chính</i>	34.466.643.884	29.797.041.249
<i>Chi phí lãi trái phiếu</i>	11.280.821.919	10.716.919.298
Chi phí phát hành trái phiếu	1.895.968.161	2.087.850.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	56.036.762.508	6.855.118.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.052.003.200
Cộng	<u>103.680.196.472</u>	<u>51.508.932.795</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.262.228.410	4.453.991.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.000.000	204.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.862.023.329	67.389.933.760
Các chi phí khác	16.098.076.587	14.083.928.259
Cộng	<u>111.426.328.326</u>	<u>86.131.853.767</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.976.477.356	10.850.314.925
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.371.273.424	2.176.240.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.088.564.371	8.556.200.308
Thuế, phí và lệ phí	89.053.435	45.020.000
Dự phòng phải thu khó đòi	35.400.000	882.296.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.794.758	250.767.000
Các chi phí khác	19.596.261.164	21.085.495.605
Cộng	<u>43.383.824.508</u>	<u>43.846.335.284</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	512.396.695
Thu nhập từ thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền gửi ngân hàng	5.137.631.680	-
Tiền bồi thường	-	7.991.056.294
Thu nhập từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	8.543.832	2.925.831.276
Thu nhập khác	642.972.205	409.461.155
Cộng	<u>5.789.147.717</u>	<u>11.838.745.420</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	117.284	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	569.654.055
Thuế bị phạt, bị truy thu	643.430.586	672.998.483
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	199.861.913	180.109.690
Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội	2.786.712.070	4.528.410.367
Chi phí khác	1.859.435.512	4.334.181.418
Cộng	<u>5.489.557.365</u>	<u>10.285.354.013</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.275.977.090.693	1.794.494.392.072
Chi phí nhân công	139.014.812.747	109.685.535.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.803.656.195	52.586.452.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.623.166.014	102.635.511.253
Chi phí khác	41.462.807.422	42.132.792.734
Cộng	<u>2.658.881.533.071</u>	<u>2.101.534.683.564</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Mua cổ phần từ các cổ đông khác	-	7.300.000.000
Vay tiền không lãi suất	-	24.670.000.000
Trả tiền vay	-	(24.250.000.000)
Ứng trước tiền mua đất	-	2.500.000.000
Tạm ứng cổ tức	203.619.478	-
<i>Các thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tạm ứng cổ tức	62.996.046	-
<i>Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	32.885.210.814
Vay tiền không lãi suất	-	950.000.000
Tạm ứng cổ tức	220.486.161	-

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 383.628.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.18 và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	255.360.766	48.000.000	303.360.766
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	257.348.977	48.000.000	305.348.977
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	33.733.333	33.733.333
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	255.368.798	-	255.368.798

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		768.078.541	333.733.333	1.101.811.874
Năm trước				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	234.639.849	48.000.000	282.639.849
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	234.640.569	48.000.000	282.640.569
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	48.000.000	48.000.000
Ông Trần Quốc Phong	Thành viên Hội đồng quản trị	-	44.000.000	44.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	232.795.915	-	232.795.915
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng Ban Kiểm soát	-	18.800.000	18.800.000
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	17.200.000	17.200.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	12.533.333	12.533.333
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	-	12.533.333	12.533.333
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	11.466.667	11.466.667
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên Ban Kiểm soát	-	11.466.667	11.466.667
Cộng		702.076.333	344.000.000	1.046.076.333

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty TNHH Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Hoàn trả vốn góp bằng quyền sử dụng đất	(49.300.513.000)	-
Hoàn trả vốn góp bằng tiền	(14.283.208.187)	-
Nhận góp vốn	63.583.721.187	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua nguyên liệu	37.252.005.085	-
Vay tiền	12.973.140.000	11.701.081.030
Trả tiền vay	(20.743.221.030)	(3.931.000.000)
Nhận ứng trước tiền hàng	-	151.000.000.000
Tạm ứng cổ tức	9.818.238.584	-
Công ty Cổ phần Camimex Logistics		
Chi phí dịch vụ vận chuyển	64.464.961.990	49.048.245.142
Mua tài sản cố định	1.214.223.048	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Mua hàng hóa	127.794.591.258	231.522.591.507
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	13.575.040.150	20.373.154.454
Chi phí gia công	9.808.119.023	1.230.207.635
Vay tiền	74.760.000.000	50.468.000.000
Trả tiền vay	(74.760.000.000)	(55.978.493.964)
Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex		
Trả tiền vay	-	(5.000.000.000)
Nhận tiền hoàn lại từ dự án nuôi tôm công nghệ cao	-	11.512.270.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải		
Mua hàng hóa	37.874.796.086	125.500.788.151
Chi phí dịch vụ vận chuyển	119.900.000	-
Vay tiền không lãi suất	-	113.786.900.000
Trả tiền vay	-	(122.979.829.297)
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Chi phí gia công	2.786.973.768	267.455.900

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH Camimex Farm dùng hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.13, V.14, V.18 và V.19a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nước ngoài	1.753.029.342.629	1.341.591.587.532
Trong nước	580.607.348.769	615.522.599.383
Cộng	2.333.636.691.398	1.957.114.186.915

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	182.000.242.757	266.676.244.367	36.269.435.696	1.610.913.996	486.556.836.816
Số đầu năm	12.928.196.886	5.393.229.999	3.704.681.239	-	22.026.108.124
Mua trong năm	8.441.594.715	14.635.704.552	-	-	23.077.299.267
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	(793.900.000)	-	(793.900.000)
Thanh lý, nhượng bán	203.370.034.358	286.705.178.918	39.180.216.935	1.610.913.996	530.866.344.207
Số cuối năm	18.937.837.082	39.571.149.011	6.935.001.695	1.306.813.996	66.750.801.784
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	59.398.197.865	117.478.073.536	19.000.077.492	1.353.477.318	197.229.826.211
Khấu hao trong năm	14.171.563.127	23.464.347.999	3.838.124.119	97.903.338	41.571.938.583
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(611.964.534)	-	(611.964.534)
Số cuối năm	73.569.760.992	140.942.421.535	22.226.237.077	1.451.380.656	238.189.800.260
Giá trị còn lại	122.602.044.892	149.198.170.831	17.269.358.204	257.436.678	289.327.010.605
Số đầu năm	129.800.273.366	145.762.757.383	16.953.979.858	159.533.340	292.676.543.947
Số cuối năm					



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	630.000.000.000	6.800.000.000	156.393.754.040	793.193.754.040
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	63.069.341.137	63.069.341.137
Số dư cuối năm trước	630.000.000.000	6.800.000.000	219.463.095.177	856.263.095.177
Số dư đầu năm nay	630.000.000.000	6.800.000.000	219.463.095.177	856.263.095.177
Tăng vốn góp trong năm nay (*)	63.583.721.187	-	-	63.583.721.187
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	108.098.611.309	108.098.611.309
Tạm ứng cổ tức trong năm nay	-	-	(12.802.422.246)	(12.802.422.246)
Giảm vốn góp trong năm nay (*)	(63.583.721.187)	-	-	(63.583.721.187)
Số dư cuối năm nay	630.000.000.000	6.800.000.000	314.759.284.240	951.559.284.240

Đơn vị tính: VND

(*) Trong đó:

- Công ty đã thực hiện thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền gửi ngân hàng từ phân vốn góp của Công ty Cổ phần Camimex Group với số tiền 49.300.513.000 VND theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ.CMC.2022 ngày 07/01/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Camimex.
- Công ty đã thực hiện thay đổi tài sản góp vốn từ tiền sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trả trước tiền thuê đất) của Công ty Cổ phần Camimex Group với số tiền 14.283.208.187 VND theo Nghị quyết số 25/03/2022/NQ.HDQT-CMM ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex.



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng




Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn